

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi một số
điều Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây
dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội
dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6
năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý
Nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4495/QĐ-UBND ngày
31 tháng 10 năm 2019 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 1476/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 4 năm 2020; số 3215/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2020 phê
duyet thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, giá một số gói thầu dự án Đường giao
thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 442/TTr-SGTVT
ngày 18 tháng 01 năm 2024 về phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công
trình Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47 (kèm
theo báo cáo thẩm định số 428/SGTVT-TĐKHKT ngày 18 tháng 01 năm 2024).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao
thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47, với những nội dung sau:

1. Khái quát về dự án

Dự án Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 với quy mô xây dựng mới 14,66km đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng (theo TCVN 4054-2005); vận tốc thiết kế $V_{tk}=60\text{km/h}$, tổng mức đầu tư là **921.000.000.000** đồng, trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	163.661.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	626.290.000.000 đồng.
- Chi phí QLDA:	7.162.000.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	24.336.000.000 đồng.
- Chi phí khác:	10.529.000.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	89.022.000.000 đồng.

2. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai, do khó khăn trong việc bố trí vốn, dự án phải giãn tiến độ theo điểm dừng kỹ thuật, làm thay đổi thời gian thực hiện dự án; chính sách nhà nước thay đổi, chi phí bồi thường GPMB tăng so với khái toán, vượt cơ cấu giá trị của khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư (nhưng chưa vượt tổng mức đầu tư dự án). Vì vậy, để triển khai thực hiện hoàn thành dự án, việc điều chỉnh dự án (*điều chỉnh cơ cấu khoản mục trong tổng mức đầu tư do điều chỉnh tăng chi phí bồi thường GPMB; điều chỉnh thời gian thực hiện*) là phù hợp và cần thiết.

3. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh (sau khi điều chỉnh các khoản mục chi phí): 921.000.000.000 đồng (*chín trăm hai mươi một tỷ đồng*); trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	200.227.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	508.098.000.000 đồng.
- Chi phí QLDA:	6.954.000.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	23.552.000.000 đồng.
- Chi phí khác:	9.202.000.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	72.967.000.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Từ “Không quá 5 năm (từ năm 2019-2023)” thành “Hoàn thành trong năm 2025”.

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Giao thông vận tải và chủ đầu tư tiêu dự án giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung số liệu, hồ sơ điều chỉnh dự án trình thẩm định, phê duyệt.

- Trên cơ sở các khoản mục chi phí, thời gian thực hiện dự án phê duyệt tại Điều 1 nêu trên, giao Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện: Yên Định, Thiệu Hóa, Thọ Xuân và Triệu Sơn tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

- Trong bước tiếp theo, UBND các huyện: Thọ Xuân và Triệu Sơn có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 428/SGTVT-TĐKHKT ngày 18/01/2024.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Yên Định, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ TRONG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT duyệt theo QĐ số 4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	Điều chỉnh cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải	Giá trị điều chỉnh	
I	Chi phí bồi thường GPMB	163.661.000.000		200.227.000.000	36.566.000.000
1	Địa phận huyện Yên Định	2.801.443.000	Văn bản số 03/BC-BTHT ngày 07/01/2024 của UBND huyện Yên Định	2.438.584.000	-362.850.000
2	Địa phận huyện Thiệu Hóa	23.671.521.000	Văn bản số 5295/UBND-KTHT ngày 30/12/2023 của UBND huyện Thiệu Hóa	24.705.192.000	1.033.671.000
3	Địa phận huyện Thọ Xuân	106.427.256.000	Văn bản số 103/UBND-BQLDA ngày 11/01/2024 của UBND huyện Thọ Xuân	86.199.180.000	-20.228.076.000
4	Địa phận huyện Triệu Sơn	30.760.805.000	Văn bản số 7470/UBND-KTHT ngày 30/12/2023 của UBND huyện Triệu Sơn	86.884.000.000	56.123.195.000
II	Chi phí xây dựng	626.290.000.000	Bảng tính chi tiết	608.098.000.000	-18.192.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	7.162.000.000	1,258% x 608,09 tỷ đồng/1,1 (theo định mức dự án đã duyệt, cập nhật theo CPXD)	6.954.430.000	-207.570.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	24.336.000.000		23.551.856.000	-784.144.000
1	Khảo sát, lập BCNCKT; thiết kế cắm cọc GPMB, MLG	4.037.000.000		4.180.668.000	143.668.000
1.1	Chi phí khảo sát		Hợp đồng số 35/2019/HĐXD ngày 25/9/2019	2.512.702.338	
1.2	Lập Báo cáo NCKT			1.258.923.474	
1.3	Thiết kế cắm cọc GPMB, MLG			9.042.000	
1.4	Khảo sát lập dự án năm 2011		Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/7/2019	400.000.000	
2	Lập nhiệm vụ, dự toán khảo sát + giám sát khảo sát bước lập BCNCKT	170.000.000	Quyết định số 824/QĐ-SGTVT ngày 08/8/2019 của Sở GTVT	170.223.000	223.000
3	Khảo sát bước thiết kế BVTC	4.000.000.000	Hợp đồng số 15/2020/HĐXD ngày 10/02/2020	4.408.936.000	408.936.000
4	Lập nhiệm vụ, dự toán khảo sát + giám sát khảo sát bước thiết kế BVTC	233.000.000	Quyết định số 1405/QĐ-SGTVT ngày 03/12/2019 của Sở GTVT	293.567.000	60.567.000
5	Lập thiết kế BVTC	6.188.000.000	Hợp đồng số 15/2020/HĐXD ngày 10/02/2020	6.020.850.000	-167.150.000

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT duyệt theo QĐ số 4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	Điều chỉnh cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải	Giá trị điều chỉnh	
6	Thẩm tra thiết kế BVTC	332.000.000	Hợp đồng số 18/2020/HĐXD ngày 17/3/2020	635.066.000	-9.934.000
7	Thẩm tra dự toán	313.000.000			
8	Giám sát thi công xây dựng	6.044.000.000	0,981% x 608,09 tỷ đồng/1,1 (tính lại định mức theo CPXD)	5.385.912.000	-658.088.000
9	Lập hồ sơ mời thầu + đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây dựng (thi công+bảo hiểm+ĐBGT đường thủy)	257.000.000	Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh	105.789.000	-151.211.000
10	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn	40.000.000	Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh	32.186.000	-7.814.000
10.1	Lập HSMT, đánh giá HSDT KS, lập BCNCKT			8.075.000	
10.2	Lập HSMT, đánh giá HSDT KS, thiết kế BVTC			19.200.000	
10.3	Lập HSMT, đánh giá HSDT thẩm tra TK BVTC và DT			1.107.000	
10.4	Lập HSMT, đánh giá HSDT kiểm định chất lượng công trình			2.000.000	
10.5	Lập HSMT, đánh giá HSDT kiểm toán công trình			1.804.000	
11	Cấm cọc GPMB và MLG	882.000.000	Hợp đồng số 42/2019/HĐXD ngày 17/12/2019	478.569.000	-403.431.000
12	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	190.000.000	Hợp đồng số 33/2019/HĐTVMT ngày 25/9/2019	190.090.000	90.000
13	Thẩm tra an toàn giao thông	150.000.000	Tạm tính theo Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh	150.000.000	0
14	Kiểm định chất lượng công trình	1.000.000.000	Tạm tính theo Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh	1.000.000.000	0
15	Giám sát, đánh giá dự án	500.000.000	Tạm tính theo Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh	500.000.000	0
V	Chi phí khác	10.529.000.000		9.201.883.000	-1.327.117.000
1	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	783.000.000		388.415.000	-394.585.000
1.1	Thẩm tra quyết toán chi phí XD+chi phí khác		$0,079\% \times 720.773.000.000 \times 0,5$	286.087.778	
1.2	Thẩm tra quyết toán chi phí GPMB		$0,202\% \times 200.227.000.000 \times 0,5 \times 0,5$	102.326.759	
2	Kiểm toán công trình	2.257.000.000		1.652.807.000	-604.193.000
2.1	Kiểm toán chi phí XD+chi phí khác		$0,166\% \times 720.773.000.000 \times 1,1$	1.315.081.764	

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT duyệt theo QĐ số 4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	Điều chỉnh cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải	Giá trị điều chỉnh	
2.2	Kiểm toán chi phí GPMB		$0,307\% \times 200.227.000.000 \times 1,1 \times 0,5$	337.725.384	
3	Thẩm định dự án đầu tư	55.000.000	Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh	55.000.000	0
4	Bảo hiểm xây dựng công trình	1.566.000.000	Hợp đồng số 03/2020/HĐXD ngày 03/12/2020	2.117.747.000	551.747.000
5	Thẩm định thiết kế BVTC	200.000.000		52.097.000	-147.903.000
6	Thẩm định dự toán	188.000.000			
7	Thẩm định HSMT gói thầu thi công xây dựng	50.000.000	Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh	50.000.000	0
8	Thẩm định KQLCNT gói thầu thi công xây dựng	50.000.000	Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh	50.000.000	0
9	Thẩm định HSMT và KQLCNT các gói thầu tư vấn	20.000.000		21.123.000	1.123.000
10	Rà phá bom mìn	2.760.000.000	Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của CT UBND tỉnh và Hợp đồng số 111/2020/RPBM ngày 25/9/2020	1.591.374.000	-1.168.626.000
10.1	Khảo sát, lập phương án kỹ thuật			43.248.000	
10.2	Thi công rà phá bom mìn			1.501.952.000	
10.3	Giám sát rà phá bom mìn			46.174.000	
11	Đảm bảo giao thông đường thủy (cầu sông Chu)	2.500.000.000	Quyết định số 319/QĐ-SGTVT ngày 09/4/2021 của Sở GTVT	3.123.320.000	623.320.000
12	Kiểm tra của cơ quan QLNN quá trình thực hiện	100.000.000	Tạm tính theo Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh	100.000.000	0
VI	Chi phí dự phòng	89.022.000.000		72.966.831.000	-16.055.169.000
1	Do yếu tố khối lượng	62.398.000.000		33.406.831.000	-28.991.169.000
2	Do yếu tố trượt giá	26.624.000.000		39.560.000.000	12.936.000.000
	TỔNG CỘNG	921.000.000.000		921.000.000.000	0